

## **Phẩm 5: KIẾN LẬP CỦA XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH**

Trụ Như Lai gọi là địa cứu cánh. Chư Phật, Thế Tôn có một trăm bốn mươi pháp bất cộng, đó là ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, tám mươi vẻ đẹp theo hình, bốn nhất thiết chủng thanh tịnh, mười lực Như Lai, bốn vô sở úy, ba niệ m xứ, ba bất hộ, đại bi, pháp không quên, đoạn trừ các tập, nhất thiết chủng diệu trí.

Thế nào là ba mươi hai tướng của bậc đại nhân? Một là dưới bàn chân bằng phẳng vững chắc. Hai là dưới bàn chân có xoáy tròn hình như hình bánh xe có ngàn nan hoa. Ba là ngón tay thon dài. Bốn là gót chân đầy đặn. Năm là trong kẽ tay kẽ chân có da mỏng như giăng lưới. Sáu là tay chân đều dịu mềm. Bảy là bắp chân như tướng lộc vương. Tám là mắt cá chân ẩn kín. Chín là đứng thẳng tay dài quá đầu gối. Mười là nam căn như mã vương. Mười một là thân hình đầy đặn như cây Ni-câu-loại. Mười hai là lông trên thân đẹp. Mười ba là những lông trên thân xoay về bên phải. Mười bốn là thân thể sáng chói như vàng ròng. Mười lăm là quanh mình có hào quang chiếu xa một tầm. Mười sáu là da thịt mềm dịu bụi nhơ không dính bám. Mười bảy là hai tay, hai chân, hai vai và cổ đầy đặn. Mười tám là thân trên như thân sư tử. Mười chín là khuỷu tay đầy đặn. Hai mươi là xương hai vai được đầy đặn. Hai mươi mốt là thân thể ngay ngắn. Hai mươi hai là bốn mươi cái răng. Hai mươi ba là răng đều, khít. Hai mươi bốn là răng trắng sạch. Hai mươi lăm là hai bên má cao đầy đặn như sư tử. Hai mươi sáu là nước bọt như vị cam lồ. Hai mươi bảy là trên đỉnh đầu có cục thịt nổi cao như hình búi tóc (nhục kế). Hai mươi tám là lưỡi dài rộng. Hai mươi chín là giọng nói nghe vang như giọng của Phạm thiên. Ba mươi là mắt xanh biếc. Ba mươi mốt là lông mi như ngư vương. Ba mươi hai là lông trắng ở giữa hai lông mày.

Tám mươi vẻ đẹp tùy hình: Đó là hai mươi ngón tay, chân, tám chỗ bên ngoài bên trong ngay thẳng đầy đặn, hai gót chân, hai đầu gối, hai xương đùi, hai vai, hai khuỷu tay, hai cổ tay, hai đùi vế, hai hông, tướng ẩn chứa..., hai bên lưng, hai nách, hai vú, eo lưng tim rốn, yết hầu (cổ họng), bụng thả đều tốt đẹp. Đấy gọi là sáu mươi vẻ đẹp từ yết hầu trở xuống. Hai hàm răng trên dưới, hai môi, hai nướu, hai má, hai dải tai, hai mắt, hai tai, hai mi, hai lỗ mũi, hai góc sống mũi. Đấy gọi là hai mươi vẻ đẹp từ yết hầu trở lên.

Tướng tốt này Bồ-tát nơi địa tâm tịnh mới bắt đầu được, tất cả

địa sau dần dần thanh tịnh thù thắng, đến tòa Bồ-đề mới được vui tịnh. Ngoài ra pháp bất cộng như bốn nhất thiết chủng thanh tịnh..., khi vui tịnh đầy đủ thì được, người thấp được thành tựu địa Bồ-tát trước.

Từ địa tâm tịnh khởi hết thấy thắng tiến, sinh tất cả tướng tốt của Bồ-tát. Lại có vô số các thứ Bồ-đề có gần có xa. Xa thì chưa được tướng tốt, gần thì đã được, tạo đủ các thứ nghiệp, được đủ các thứ báo. Đức Thế Tôn đã dùng sức giáo hóa để giảng nói. Vì sao? Vì chúng sinh hành đủ các thứ nghiệp ác, nên nhận đủ các thứ báo ác, để đối trị chân thật nên nói các thứ nghiệp tướng tốt, khiến được các thứ quả báo tướng tốt, chúng sinh nghe được sẽ ưa tu pháp thiện, xa lìa các nghiệp ác. Như tướng tốt trong kinh đã nói, Bồ-tát trì giới, nhẫn nhục, huệ thí nên được tướng dưới bàn chân bằng phẳng vững chắc. Cúng dường cha mẹ, chúng sinh khổ não, vì họ cứu giúp, nên được tướng dưới bàn chân có xoáy tròn hình bánh xe ngàn nan hoa. Không hại chúng sinh, không khởi tướng trộm cắp, đối với bậc tôn kính trước phải thưa hỏi, chấp tay cung kính, đem của cải quý giá, rất yêu mến cúng dường, phá tan các kiêu mạn, nên được tướng ngón tay thon dài, tức được ba tướng trên là nghiệp được tướng gót chân đầy đặn. Dùng bốn nhiếp sự thâm giữ chúng sinh, nên được tướng trong kẽ tay kẽ chân có da mỏng như giăng lưới. Đã từng tắm rửa thân thể các bậc đáng tôn kính nên được tướng tay chân mềm mại. Tu các pháp thiện chuyển đổi tình tiến không chán nên được tướng bắp chân như nai chúa. Tự thọ chánh pháp, rộng vì người giảng nói, vì pháp mà làm sứ giả, nên được tướng mắt cá chân không hiện. Lẫn lượt tu hành ba nghiệp thanh tịnh, chăm sóc bệnh, cho thuốc, lìa các ngã mạn, tu tập biết đủ, nên được tướng đứng thẳng tay dài quá đầu gối. Thấy người chia lìa, đem pháp dạy khiến cho hòa hợp, tu tập hổ thẹn, bố thí y phục cho người nên được tướng nam căn ẩn giấu như mã vương. Tịnh tu ba nghiệp cũng dạy cho người tu, ăn uống biết lượng, bố thí thuốc cho người bệnh, thâm nhận nghiệp khó, tụ tập tài sản khó, bốn đại tăng tổn có thể khiến cho tùy thuận, nên được tướng thân thể đầy đặn. Tức trên được tướng bắp chân như nai chúa là nghiệp, được tướng lông trên thân mềm đẹp. Tự tu pháp thiện, trí tuệ thông đạt, tư duy nghĩa vi tế của các pháp, với những bậc tôn kính ưa tu cúng dường, đối với người đồng tu, dùng tướng bạn tốt gồm thâu, chỉ dẫn, khiến hội nhập nghĩa, nên được tướng mỗi mỗi lông trên thân đều xoay về bên phải. Đem y phục, xe cộ, thực phẩm, các vật dụng trang sức nơi thân như chuỗi ngọc v.v... thượng diệu, bố thí cho tất cả, không khởi sân hận, nên được hai tướng thân sáng chói như vàng ròng và hào quang chiếu xa

một tâm, tức trên được tướng mỗi mỗi lông xoay về bên phải là nghiệp, được tướng da thịt mềm mịn. Rộng thí cho chúng sinh, bày biện đại hội, nên được tướng bảy chỗ đầy đặn. Với các chúng sinh đã khởi chưa khởi, vì họ làm người dẫn đầu, xa lìa ngã mạn, tánh tình nhu hòa, để trừ bất thiện dạy cho pháp thiện, nên được tướng thân trên như sư tử. Tức trên được tướng ngón tay thon dài là nghiệp, được ba tướng khuỷu tay, bắp tay và hai vai đầy đặn. Xa lìa lời nói hai lưỡi, phá hoại sự hòa hợp, nên được hai tướng là có bốn mươi răng và răng đều đặn dày kín. Tu tâm từ ở dục giới, tư duy về pháp nghĩa, nên được tướng răng trắng sạch. Tùy theo chỗ chúng sinh cầu xin, hoan hỷ thí cho nên được tướng hai bên má cao đầy đặn. Bố thí pháp vị thù thắng, hoại các vị khác vì làm thanh tịnh vị kia, nên lần lượt được tướng vị nước bọt thượng diệu. Thọ trì năm giới, chuyển trao cho người, thường hành tâm bi, hồi hướng nơi pháp lớn, nên được hai tướng là tướng lưỡi dài rộng và nhục kế. Tướng nhục kế nẩy và tướng không thấy đảnh, tức là một tướng. Thường tu thật ngữ, ái ngữ, thời ngữ, như pháp ngữ, tạo phương tiện thuyết pháp, nên được tướng giọng nói nghe vang như âm thanh của Phạm thiên. Đối với khắp chúng sinh, thực hành tâm từ bình đẳng giống như cha mẹ, nên được hai tướng mắt xanh biếc và lông mi trên dưới mắt như ngư vương. Thấy người có đức chân thật thì tán dương sự tốt đẹp đó, nên được tướng lông trắng giữa hai lông mày.

Ba mươi hai tướng với nhân không sai biệt đều là do trì giới. Vì sao? Nếu người phạm giới thì không được thân người thấp kém, huống gì là tướng của bậc đại nhân. Như vậy nói rộng, mỗi một tướng có được là tùy theo vô số nghiệp đều kiến lập riêng.

Lại nữa, Bồ-tát tại gia, xuất gia nhờ vào bốn thứ khéo tu nghiệp, được tất cả tướng của bậc đại nhân. Quyết định tu nên được tướng dưới bàn chân bằng phẳng vững chải. Do chuyên tâm tu nên được chín tướng: Dưới bàn chân có xoáy tròn hình bánh xe ngàn nan hoa. Bắp chân như nai chúa. Kẽ tay kẽ chân có da mỏng như giăng lưới. Tay chân mềm mịn. Bảy chỗ đầy đặn v.v... Thân cao ngay thẳng. Lưỡi rộng dài v.v... Do thường tu nên được năm tướng: ngón tay thon dài, gót chân đầy đặn, tay thẳng dài quá đầu gối, thân đầy đặn, răng dày khít. Vì tu vô tội nên được các tướng còn lại.

Đối với các chúng sinh không giận dữ, nên được hai tướng là tay chân mềm mại, da thịt mềm mịn. Khi tu theo thứ lớp nên được tướng bắp chân như nai chúa. Tâm thiện hành hoan hỷ, theo ánh sáng, âm thanh nên được bốn tướng, là hào quang chiếu sáng một tâm, trên thân sáng

chói như vàng ròng, răng trắng trong, chòm lông trắng chiếu sáng giữa hai chạng mày. Nghe khen không vui, che giấu công đức, nên được tướng nam căn ẩn kín như mã vương. Thiện căn đã tu hồi hưởng Bồ-đề, nên được bốn tướng: lông trên thân đẹp đẽ, bốn mươi cái răng, lần lượt được thượng vị và nhục kế. Siêng tu tinh tấn nên được hai tướng, là thân trên như sư tử, hai má nhô cao đầy đặn. An tâm chúng sinh như với con một, nên được ba tướng, là răng dày khít, mắt xanh biếc, lông mi giống ngu vương. Tu tập pháp thiện không chán nên được các tướng còn lại. Đó gọi là bốn thứ khéo tu nghiệp nên được ba mươi hai tướng của bậc đại nhân.

Bồ-tát nơi địa chủng tánh là xứ chủng tử của tướng tốt. Bồ-tát nơi địa giải hành tu tập phương tiện. Bồ-tát nơi địa tâm tịnh thì đạt được. Bồ-tát nơi các địa khác thì dần dần thanh tịnh thù thắng. Địa Như Lai tất cánh là vui tịnh vô thượng. Đây là lược nói về các tướng, vì các chúng sinh bậc thượng, trung, hạ, ngoài ra tất cả pháp Phật đều là tướng của bậc đại nhân. Những tướng đó và một trăm bốn mươi tướng còn lại nơi thân tốt đẹp, nên nói là vẻ đẹp tùy hình. Lược nói, tất cả phước đức của chúng sinh chứa nhóm bằng tướng một sợi lông. Phước đức chứa nhóm của tất cả tướng một sợi lông bằng một tùy hình hảo. Phước đức chứa nhóm của tất cả tùy hình hảo tăng đến trăm lần mới được một tướng, trừ bạch hào và nhục kế, công đức của tất cả tướng khác phải tăng đến ngàn lần, mới được tướng bạch hào. Công đức của tướng bạch hào tăng đến trăm ngàn lần, mới được tướng vô kiến đánh, nhục kế. Công đức của tướng bạch hào tăng đến ức trăm ngàn lần, mới được phần nhỏ tướng pháp âm của Như Lai, Như Lai tùy ý phát ra âm thanh thanh tịnh, Phạm âm ấy lan xa cho đến vô lượng thế giới trong mười phương. Như vậy, Như Lai có vô lượng công đức chứa nhóm không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, nghiệp thiện của tướng tốt có ba thứ vô lượng. Ba A-tăng-kỳ kiếp tu tập, gọi là kiếp vô lượng. Tạo an lạc cho tất cả chúng sinh, gọi là tâm vô lượng. Đủ vô số các thứ nghiệp thiện, gọi là hành vô lượng. Vô lượng phước đức này là hành trang tu tập sinh khởi tướng tốt của Như Lai.

Bốn nhất thiết chủng thanh tịnh: Một là thân tịnh. Hai là cảnh giới tịnh. Ba là tâm tịnh. Bốn là trí tịnh.

Thân phiền não tập, xả lìa trọn vẹn, được thân tối thượng, sinh diệt tự tại, đó gọi là thân tịnh. Vô số sự hiện hóa cùng các điều ngôn thuyết nơi tất cả cảnh giới đều tự tại không chướng ngại, đó gọi là cảnh giới tịnh. Phiền não đều xa lìa, thiện căn thành thực, đó gọi là tâm tịnh.

Lìa bỏ tất cả vô minh cấu uế, tất cả mọi hiểu biết đều tự tại vô ngại, đó gọi là trí tịnh.

Mười lực của Như Lai: Một là trí lực xứ phi xứ. Hai là trí lực tự nghiệp. Ba là trí lực của thiên giải thoát Tam-muội chánh thọ. Bốn là trí lực nơi các căn lợi độn. Năm là trí lực của vô số lý giải. Sáu là trí lực của vô số cảnh giới. Bảy là trí lực của chí xứ đạo. Tám là trí lực tức mạng. Chín là trí lực sinh tử. Mười là sinh tử lậu tận. Mười lực này như trong kinh phần Mười lực đã nói rộng. Ngôn ngữ đã giảng nói không trái với “như”, vì thế nên gọi là Đa-đà-a-gia-đà (Như Lai). Quả tịnh và bất tịnh, nương vào nhân sai khác, đó gọi là thị xứ. Quả tịnh bất tịnh do nhân sai khác nên trái nhau, đó gọi là phi xứ. Lìa trí tăng thượng mạn, đó gọi là trí như thật, như phẩm Bồ-đề vô thượng ở trước đã nói: Trí nhất thiết, trí vô ngại, trí thanh tịnh, đó gọi là lìa trí tăng thượng mạn. Có khả năng tạo tất cả thứ lợi ích cho chúng sinh, tất cả ma oán đều lìa bỏ, được thù thắng, đó gọi là lực. Tu tập thâm nhận tùy theo ý muốn được tự tại, đó gọi là thành tựu. Niết-bàn vô thượng, đó gọi là thắng diệu. Đắc tám Thánh đạo, xa lìa tất cả não loạn sợ hãi, đó gọi là an ổn. Tự biết chỗ đã đắc gọi là tự tri.

Từ chỗ chứng đắc pháp, đem tâm thương xót vì người mà giảng nói rộng, đó gọi là chuyển Phạm luân. Vì sao? Vì Như Lai đối với các thứ não loạn này đều thanh tịnh, tịch diệt, trong mát, chân thật, khi bắt đầu chuyển khiến tất cả chúng sinh đều được thanh tịnh, đó gọi là Phạm luân. Được giáo pháp tối thượng, gồm thâm lời Đại sư vô thượng nói, tự chỗ chứng đắc pháp trừ đạo khác, đối với các luận khác không sinh yếu kém, đối với tất cả các luận đều là thắng diệu vô thượng, vì bốn chúng giảng nói, đó gọi là sư tử gầm rống. Lược nói về mình an, người an, mình người đều an, khai mở, hiển bày, dạy trao, tuyên thuyết. Lại lược nói về đắc nghĩa, đắc phương tiện. Hoặc trời, hoặc người, có cầu việc gì đều ở nơi ta đạt được, đấy gọi là đắc phương tiện, như bệnh được lành, trừ phiền não mà an ổn. Lại vì người mà đối trị, đó gọi là chuyển Pháp luân. Có khả năng khiến tất cả sự tà hư vọng được các đối trị, các bệnh được lành, đó gọi là sư tử gầm vang. Nếu chỗ tạo nghiệp thành tựu đã diệt, đó gọi là quá khứ. Nếu chưa làm chưa diệt, mà là sẽ làm đó gọi là vị lai. Nếu chỗ tạo nghiệp, không phải tạo tác đã diệt, mà là đang làm đó gọi là hiện tại.

Dùng hành phân biệt lại có ba thứ, đó là nghiệp thân khẩu ý. Dùng thọ pháp phân biệt lại có bốn thứ. Có thọ pháp hiện đời được báo vui, đời khác báo khổ nói rộng như trong phẩm Tự lợi tha lợi ở trước. Hiện

pháp, đời sau, hoặc an hoặc không an, tùy theo sự ứng hợp mà giảng nói pháp lợi ích, đó gọi là xứ phương tiện. Nếu số chúng sinh dùng số phi chúng sinh làm cảnh giới có sự tạo tác, đó gọi là chúng sinh. Thiện căn đã làm, đó gọi là nhân. Ái cùng với không ái, thành quả phước họa đó gọi là báo. Lược nêu tất cả thời, tất cả hành, tất cả xứ phương tiện, tất cả chúng sinh, tất cả cảnh giới, tất cả nhân, tất cả họa, tất cả phước, như vậy, tất cả Như Lai đều biết rõ ráo, không gì hơn.

Bốn thiền tám giải thoát: Đối với thiền giải thoát tâm được tự tại, các thứ sắc tượng kia, tùy ý đều thành, đó gọi là thiền giải thoát, Tam-muội chánh thọ, như nói Tam-muội chánh thọ của Đức Thế Tôn. Như chánh thọ đó, ánh sáng soi chiếu đến cõi Phạm thiên, âm thanh thuyết pháp vi diệu, chỉ nghe tiếng không thấy hình tướng, do nghĩa này nên Như Lai nhập hình tượng loại chung với thế gian, không chung với thế gian, Tam-muội có thể chóng thành tựu. Đối với thiền giải thoát, tâm được tự tại, tùy ý đều thành, vì thế nên gọi là thiền giải thoát, Tam-muội chánh thọ.

Lại nữa, ở trong các thiền... có hai thứ phiền não: Một là chưa tu phương tiện, phiền não gây chướng ngại khiến không được tu. Hai là đã đắc tự địa, phiền não nơi các triền sai khiến, trái với đạo thẳng tiến. Như Lai dùng vô số các loại ngôn giáo thế tục, tùy theo hình sắc của họ, theo chỗ thích hợp, khiến họ được thiền..., tu tuệ đầy đủ, lìa phiền não đạt thanh tịnh. Hoặc đắc hoặc chưa đắc, hoặc kém hoặc hơn, đều nhận biết như thật, vì thế gọi là thiền giải thoát, Tam-muội chánh thọ. Biết như thật, hưởng thành thực nơi năm căn như tín v.v... có hạ trung thượng, đó gọi là các căn lợi độn. Từ người khác sinh tín và tự tư duy, làm phương tiện khởi dụng hạ trung thượng, đó gọi là vô số lý giải, kiến lập vô số chủng tánh, đó là chủng tánh của Tam thừa, tánh chúng sinh tham dụng... cho đến tám vạn bốn ngàn hành, đó gọi là vô số cảnh giới.

Biết các môn độ tùy thuận đối trị. Tham dụng thì quán bất tịnh, nói rộng như trong địa Thanh văn. Đó gọi là tất cả chí xứ đạo. Với lại, các nhóm loại đều trái nhau, khởi sự hiểu biết khác, thường muốn cùng tranh luận, giống như Sa-môn ngoại đạo, Bà-la-môn, tất cả các thứ đều hưởng đến đời này đời khác, cũng gọi là trí lực chí xứ đạo, như trong kinh thời đã nói rộng.

Biết số tục của chúng sinh trong bốn phương, kiến lập đủ các thứ danh tự, đó là tám thứ việc của quá khứ, sáu thứ đồng hành, như vậy vô số các thứ đều có thể hiểu rõ. Tám thứ là: Tên gọi như thế, sinh như thế, chủng tánh như thế, ăn uống như thế, khổ vui như thế, thọ lâu như

thế, trụ lâu như thế, giới hạn của thọ mạng như thế. Sáu thứ đồng hành là: Tục số danh tự về sắc như “sát lợi”, cha mẹ, ăn uống, thiện ác, thọ mạng. Tám thứ sự, sáu thứ đồng hành với thân mình và người khác, nói như thế này: Đây là tên ta, ta là Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, đây là cha mẹ ta, ta ăn uống như vậy, ta làm việc thiện ác như vậy, hoặc tuổi nhỏ, hoặc trung niên, hoặc lớn tuổi. Sáu việc đồng làm như thế, dùng trí túc mạng đều nhận biết như thật.

Tất cả thiên gọi là Thiên trụ. Nướng vào thiên được nhãn (mắt) cho nên gọi là thiên nhãn tịnh. Quả đầy đủ nên gọi là vui tịnh. Trong loài người không có điều đó nên gọi là vượt hơn người. Tuy nơi các trời cõi Dục có quả báo về thiên nhãn, nhưng trong loài người cũng không phải là không có. Chúng sinh sắp chết gọi là lúc chết. Tối tăm có hai thứ: Hình tượng giống như vậy, nướng vào trung ấm sinh, như đêm đen ánh sáng nơi lông dê càng tối, nên gọi là sắc xấu. Bạch tịnh có hai thứ: Hình tượng giống như vậy, nướng vào trung ấm sinh, như ánh sáng của trăng sáng, áo dệt ở Ba-la-nại, nên gọi là sắc đẹp. Dấy khởi giới ác đó gọi là giới ác, thân khẩu ý hành ác gồm đủ các thứ tà kiến, hành ác thành hình, phỉ báng Hiền Thánh, đó gọi là phỉ báng do ác kiến. Chấp trước tà kiến, nhân tà, quả tà, duyên như vậy tạo ra tất cả nghiệp tà, tạo nghiệp tà rồi, đời hiện tại thọ vui, đời sau thọ khổ báo, đó gọi là thọ nhận nhân của pháp tà tạo thành. Vô số các thứ pháp ác sinh trong đường ác, đó gọi là nhân; danh sắc kia phân ly, gọi là thân hoại, sinh lực đều hết, gọi là mạng chung. Hành ác phi pháp đó gọi là ác, thọ khổ xúc tội bức nơi đêm dài sinh tử không ngừng, đó gọi là nẻo ác. Rơi vào chỗ rất thấp trái với tâm đại bi... đó gọi là đọa. Tăng thượng sự đáng chán, gọi là Nê-lê. Cùng với trên mâu thuẫn, đó gọi là phần tịnh. Nhân nơi hành thiện sinh, đó gọi là nẻo thiện, chỗ thọ nhận tự nhiên, đấy gọi là thiên (trời). Tất cả lậu hoàn toàn không còn, đoạn tất cả sử, tâm vô lậu đối trị, trí vô lậu đệ nhất ý tăng thượng, tuệ tăng thượng, hữu lậu dứt hết, đấy gọi là tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nướng vào kiến đạo, tu đạo, tâm được giải thoát, tuệ được giải thoát, đó gọi là đời sau. Chứng đắc sáu thần thông, tự biết như thật, có thể vì người khác giảng nói, vì thế nói tự biết, tác chứng: Sự sinh của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, nói rộng như vậy.

Mười lực của Như Lai có bảy loại: Một là tự tánh. Hai là phân biệt. Ba là bất cộng. Bốn là như nhau. Năm là tạo nghiệp. Sáu là thứ lớp. Bảy là sai biệt.

Tự tánh, có chỗ nói là tự tánh của năm căn, có chỗ nói là tự tánh

của trí tuệ. Tự tánh của trí tuệ nghĩa là nói trí lực xứ phi xứ, không nói lực xứ phi xứ như tín v.v... Như trí lực xứ phi xứ, các lực khác cũng vậy.

Về phân biệt, lược nói có ba thứ: Một là phân biệt thời: Quá khứ, vị lai, hiện tại nhập nơi nhất thiết trí. Hai là phân biệt chủng: Tất cả pháp hữu vi nơi tự tướng, cộng tướng, nhập nơi tất cả chủng loại. Ba là phân biệt chúng sinh: Tất cả giới chúng sinh nhập nơi tất cả lợi ích. Ba thứ phân biệt như vậy, nói rộng thì có vô lượng.

Bất cộng nghĩa là mười lực của Như Lai không chung với hàng Thanh văn, Phật-bích-chi.

Như nhau, nghĩa là hết thấy mười lực của Như Lai là bình đẳng, không có hạ, trung, thượng.

Tạo nghiệp, nghĩa là trí lực xứ phi xứ, nhân quả chân thật đều nhận biết như thật. Hàng phục sự tranh luận về nhân quả, Sa-môn, Bà-la-môn trí lực của tự nghiệp, tự tạo ra nghiệp, nghiệp này thọ quả đều nhận biết như thật. Hàng phục sự tranh luận về thí phước, Sa-môn, Bà-la-môn nơi trí lực thiền giải thoát, Tam-muội chánh thọ. Ba thứ thị hiện điều phục truyền trao, hàng phục, đối trị tranh luận trái nhau. Sa-môn, Bà-la-môn nơi trí lực các căn độn, lợi, đối với các chúng sinh căn tánh hạ, trung, thượng, đều nhận biết như thật, biết họ thích hợp điều gì, cần phương tiện gì, để vì họ thuyết pháp. Trí lực của vô số lý giải, đối với các chúng sinh có sự hiểu biết hạ, trung, thượng lý giải tịnh, bất tịnh đều nhận biết như thật, dạy tu giải tịnh, lìa giải bất tịnh. Trí lực của các thứ giới, đối với các chúng sinh thuộc cảnh giới hạ trung thượng đều nhận biết như thật. Như nơi tâm kia, căn kia, ý muốn kia, sai khiến kia, từng thứ kia đều dùng môn độ chỉ dạy truyền trao sự lợi ích. Trí lực chí xứ đạo, Đức Như Lai vì các chúng sinh, dùng đủ các môn độ, đủ các cách dạy bảo, trao truyền như địa Thanh văn thứ lớp khai mở, hiển bày, dạy trao, tuyên thuyết.

Thế nào là Như Lai dạy trao nghiệp ban đầu nơi Bồ-tát, với các thứ Tam-muội để thâm nhận trụ tâm? Như Lai vì những người không đua nịnh quanh co dạy dỗ khiến họ tu học. Ngài nói như thế này: Thiện nam tử! Ông phải một mình ở chỗ vắng lặng, vui thích hết mực về tịch tĩnh, suy nghĩ về những danh tự mà cha mẹ, sư trưởng đã tạo ra, như danh tự này, sáu nhập trong, ngoài, hai bên và chính giữa, tất cả đều không, tự tánh cũng không, chỉ là danh tướng được thiết lập. Suy nghĩ như vậy, về pháp không thể có được nên không ở vị lai khởi tướng sẽ đến. Thiện nam tử! Trong hiện tại, các tạo tác của nhãn, tên gọi nhãn, tướng nhãn, sự bày hiện của nhãn, phải tự quán sát: Nhãn của ta hãy còn không



thể có được, huống gì là tên gọi, tướng, thiết lập nói là nhãn. Như vậy, những danh, tướng, sự thiết lập, tất cả đều không có? Chúng thấy đều không chân thật, nên tự tánh của nhãn kia cũng không. Vì sao? Vì tự tánh kia không phải tên gọi nhãn, tướng nhãn, sự hiện bày của nhãn, nhận biết pháp sanh. Đó chỉ là danh tự ngôn thuyết mà sinh nhận biết của nhãn. Không phải tánh của nhãn kia có thể nghe, có thể biết ở nơi danh ở nơi sự mà sinh ra sự nhận biết của nhãn. Vì thế nên suy nghĩ: Về tên gọi nhãn, tướng nhãn, sự thiết lập nhãn từ xưa nay, thì các pháp đương lai cũng đều không thể có được. Như nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, cho đến kiến, văn, giác, tri, hoặc câu, hoặc đắc, hoặc biết, hoặc quán đều cũng như vậy. Tất cả tướng pháp cho đến tướng đương lai đều như vậy. Đạo phương tiện thâm nhận, tướng về hoại ngã cho đến tướng về hoại tất cả pháp cũng đều như vậy. Tất cả quán sát khéo léo vốn nhận biết, tất cả tướng pháp, tướng đương lai, tất cả tướng về hư giả, không có tướng về không tư duy, không có ..., tất cả nghĩa đều không có gì thâm nhận, thì sẽ chứng đắc chủng tánh Tam-muội trí tuệ thanh tịnh của Như Lai. Các Bồ-tát kia đắc quán bất tịnh, thực hành tâm từ, quán sát duyên khởi, phân biệt các cõi, niệm hơi thở xuất nhập, đạt được sơ thiền, cho đến phi tướng phi phi tướng xứ, Bồ-tát tư duy về vô lượng Tam-muội chánh thọ, dần dần cho đến khi đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là chí xứ đạo của Bồ-tát. Như Lai ở quá khứ, vì Bồ-tát sơ nghiệp mà chỉ dạy trao truyền như vậy. Chư Phật vị lai cũng sẽ chỉ dạy như vậy. Chư Phật hiện tại cũng chỉ dạy như vậy. Thanh văn thừa như vậy mà tư duy, chóng đắc thần thông, trí vô ngại, hết thấy trí lực chí xứ đạo, ra khỏi tất cả đường khổ, nhận biết như thật, lìa đạo bất xuất, đạo xuất mà tạo lợi ích. Trí lực tức mạng, quán sát tức mạng, đối với thiện, đối với ác, hoặc tâm nhàm chán, hoặc tâm thanh tịnh điều phục, thuyết pháp điều phục. Thường luận nơi Sa-môn, Bà-la-môn. Dùng trí lực sinh tử nói về nơi chốn sinh đến của chúng sinh trong sinh tử, điều phục đoạn trừ Diệt luận nơi Sa-môn, Bà-la-môn. Dùng trí lực lậu tận điều phục nghi hoặc về giải thoát nơi Sa-môn, Bà-la-môn.

Thứ lớp nghĩa là Như Lai chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì liền đắc mười lực. Về sau, theo thứ tự nhân quả của bộ phận A duy tam Phật pháp hiện ra ở trước, dùng trí lực xứ phi xứ, quán sát bộ phận nhân quả, quả của dục giới có sai khác. Dùng trí lực tự nghiệp quán sát tự nghiệp để vì chúng sinh thuyết pháp, khiến lìa nghiệp ác, tu hành nghiệp thiện. Vì đạo thế tục được lìa dục nên đem trí lực của thiên giải thoát Tam-muội chánh thọ chỉ dạy các chúng sinh. Lại vì

xuất thế, lìa dục nên đem trí lực của thiền giải thoát Tam-muội chánh thọ, trước tiên dạy cho chúng sinh, để đạo thế tục lìa dục, sau được lìa dục của đạo xuất thế gian, muốn khiến chúng sinh được lìa dục của đạo xuất thế gian. Đem trí lực các căn lợi độn quán sát các căn, biết các căn rồi, muốn biết hy vọng, dùng trí lực của vô số thứ giải quán hy vọng kia, quán hy vọng rồi dùng trí lực của vô số thứ giới, quán sát căn sử, tùy theo phương tiện cảnh giới nơi môn độ kia mà độ thoát. Đem tất cả trí lực chí xứ đạo, đối với cảnh giới, phương tiện, môn độ tâm trụ đầu nhận. Tâm trụ hành thanh tịnh rồi, xa lìa các kiến như thân kiến, thường kiến, đoạn kiến, để nói trung đạo. Lìa tất cả phiền não nên nhập vào trí lực túc mạng và trí lực sinh tử. Vì nhằm dứt sự trói buộc do không đoạn phiền não, khởi tăng thượng mạn nên dạy khiến xa lìa, vì thế nhập trí lực lậu tận.

Lại nữa, thứ lớp nghĩa là A duy tam Phật pháp, chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng xong, trước tiên dùng trí lực xứ phi xứ, quán sát duyên khởi pháp đệ nhất nghĩa mà an trụ. Nướng vào pháp đệ nhất nghĩa an trụ trí rồi, dùng trí lực tự nghiệp quán các thứ nghiệp của phần tại gia. Quán các thứ nghiệp của phần tại gia xong, dùng trí lực thiền giải thoát Tam-muội chánh thọ, quán phần xuất gia. Làm sao khiến cho phần xuất gia này đối với khổ cầu giải thoát, nên vì đó mà giảng nói đạo. Khởi tâm đại bi, Phật nhãn quán sát, đem trí lực của các căn lợi độn quán sát các căn hạ, trung, thượng vì đó giảng nói pháp. Ngoài ra, trí lực của vô số lý giải thứ lớp như trước nói.

Lại nữa, thứ lớp nghĩa là A duy tam Phật pháp, dùng trí lực xứ phi xứ, quán sát pháp giới duyên khởi, đem trí lực tự nghiệp quán sát cõi chúng sinh, thấy những chúng sinh này tạo nghiệp như vậy, thọ quả như vậy. Quán pháp giới và giới chúng sinh rồi, đem trí lực của thiền giải thoát Tam-muội chánh thọ, vì chúng sinh khổ, thị hiện ba thứ mà dạy bảo, trao truyền. Trí lực của những căn độn lợi ... còn lại thì dùng đạo độ thoát cho tất cả chúng sinh, khiến thoát các khổ.

Sai biệt, nghĩa là biết nghiệp thiện, bất thiện, được quả ái, bất ái, đây gọi là trí lực xứ phi xứ. Biết nghiệp thiện, bất thiện, đắc quả ái, bất ái, không tác, không thọ, cho đến thiền giải thoát..., nghiệp này không phải là nghiệp kia, đó gọi là trí lực tự nghiệp. Biết thiền giải thoát... thị hiện ba thứ dạy trao, cho đến biết tâm tịnh cùng câu sinh tương ứng. Đó gọi là trí lực của thiền giải thoát Tam-muội chánh thọ. Biết căn hạ trung thượng, đó gọi là trí lực của các căn lợi độn. Cho đến biết các căn nơi phương tiện sinh hy vọng kia, cũng gọi là trí lực của các căn lợi độn.

Biết đủ các thứ hy vọng, đó gọi là trí lực của vô số lý giải.

Giải (hiểu) có sáu thứ: Một là giải bất xuất: Nghĩa là hiểu, hy vọng về Ma-hê-thủ-la, Na-la-diên, Phạm thế v.v... Hai là giải xuất: Nghĩa là hiểu, hy vọng về ba thừa. Ba là giải viển tịnh: Nghĩa là hiểu hy vọng về sự thành thực bậc hạ, trung. Bốn là giải cận tịnh: Nghĩa là hiểu hy vọng về sự thành thực bậc thượng. Năm là hiểu về hiện pháp đắc Niết-bàn: Nghĩa là hiểu hy vọng thừa Thanh văn đắc Niết-bàn. Sáu là hiểu vị lai đắc Niết-bàn: Nghĩa là hiểu hy vọng Đại thừa đắc Niết-bàn. Cho đến hiểu biết về thí dụ cho các chủng tử vốn đầy khởi tạo tác, cũng gọi là trí lực của vô số lý giải. Giới phân biệt có bốn thứ: Như chủng tử tánh gọi là trí lực của vô số lý giải. Biết vô số chủng tử phân biệt, đó gọi là trí lực của vô số giới, cho đến biết pháp Niết-bàn và thuận theo dấu vết của đạo nơi cảnh giới, gọi là trí lực của vô số giới. Biết tất cả các dấu vết của vô số phiền não, vô số thanh tịnh, đó gọi là trí lực chí xứ đạo. Cho đến biết túc mạng nơi nhân của tất cả nẻo, cũng gọi là trí lực chí xứ đạo. Biết sáu thứ ngôn thuyết của quá khứ, đó gọi là trí lực túc mạng, cho đến biết chúng sinh quá khứ sinh tử, cũng gọi là trí lực túc mạng. Biết sinh tử vị lai đó gọi là trí lực sinh tử. Cho đến biết tự nghĩa nơi chúng sinh vị lai sinh tử chưa rõ ráo, cũng gọi là trí lực sinh tử. Biết rõ ráo tự nghĩa nơi hiện pháp đắc Niết-bàn, đó gọi là trí lực lậu tận. Như vậy mười thứ trí lực, mỗi thứ đều có sai biệt.

Bốn vô úy như kinh nói: Như Lai do bốn việc này, ở trong đại chúng tự chứng đắc không có gì sợ hãi (vô sở úy): Chương trí giải thoát, tất cả pháp bình đẳng giác, không chung với Thanh văn là vô úy thứ nhất. Chương phiền não giải thoát chung với Thanh văn là vô úy thứ hai. Ra khỏi đường khổ là vô úy thứ ba. Chương đạo pháp là vô úy thứ tư. Như Lai đối với bốn nghĩa này tự biết như thật. Nếu có người phỉ báng nói là không biết, thì không có điều đó. Do không thể có điều ấy nên được không có gì sợ hãi, không khiếm nhược, không nghi hoặc, tự biết quyết định, có thể làm bậc Đại sư tự an mình và an người. Hai xứ trước đầy đủ, là con đường tự an. Hai xứ sau đầy đủ là con đường an cho người khác. Tất cả pháp bình đẳng giác là hướng đến các Bồ-tát Đại thừa. Giải thoát chương phiền não là hướng đến thừa Thanh văn, Duyên giác. Ra khỏi khổ đạo và làm chương ngại đạo pháp là cả hai đều cùng làm. Như Lai vì các Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác tu hành ra khỏi đường khổ, nên giảng nói Tu-đa-la (kinh). Kết tập kinh tạng nghĩa là nói hành Bồ-tát để lập tạng Bồ-tát, nói hành Thanh văn để lập tạng Thanh văn.

Ba niệm xứ như nơi kinh đã nói. Như Lai nơi đêm dài sinh tử khởi suy nghĩ: Ta khéo hành trì pháp luật, làm đại pháp chủ, đối với việc thọ, không thọ, không khởi tâm buồn phiền. Lược nói về ba hạng chúng: Một là hưởng đến nẻo chánh. Hai là hưởng đến nẻo tà. Ba là không phải chánh không phải tà. Đối với ba chúng này dùng tâm chánh niệm không tăng, giảm.

Ba bất hộ như trong kinh nói. Lược nêu tất cả việc làm che giấu đều đoạn, vì thế nên Như Lai hiện bày ba bất hộ. A-la-hán còn có Đột-cát-la vô ký, hoặc có khi quên lầm, chỉ có Như Lai, tất cả đều không, tất cả đều chân thật. A-la-hán hoặc khi luận nghị, sợ rơi vào chỗ thua kém, hoặc khi không vui, hoặc khi tánh vội gấp, thế nên tự hộ (giữ gìn), không để cho tập khí khởi nghiệp thân, khẩu, ý bất tịnh. Như vậy hết thấy Như Lai đều không hộ.

Đại bi như nơi phẩm Cúng dường tập cận vô lượng ở trước đã nói.

Pháp không quên nghĩa là Như Lai đã làm việc gì, thường thuận theo nhớ nghĩ, tất cả việc làm, tất cả lời nói, tất cả phương tiện thiện xảo, tất cả thời, đối với các việc ấy, luôn nhớ không quên.

Đoạn trừ các tập, nghĩa là Như Lai cử động, dừng nghỉ, xem xét, nói năng, đi, đứng, đều liả bỏ tập khí còn lại tương tự phiền não đã dấy khởi. Các A-la-hán cử động, dừng nghỉ, xem xét, nói năng, đi đứng, còn có tập khí sót lại tương tự phiền não dấy khởi. Như Lai thì đoạn hẳn, vì thế nên gọi là đoạn trừ các tập.

Nhất thiết chủng, diệu trí nghĩa là Như Lai biết ba thứ pháp: Nghĩa tạo lợi ích, phi nghĩa tạo lợi ích, phi nghĩa phi phi nghĩa tạo lợi ích. Tất cả pháp trí biết phi nghĩa tạo lợi ích, phi nghĩa phi phi nghĩa tạo lợi ích, đó gọi là nhất thiết chủng trí.

Tất cả pháp trí biết nghĩa tạo lợi ích, đó gọi là diệu trí. Nhất thiết chủng trí và diệu trí, nói chung gọi là Nhất thiết chủng diệu trí. Đây gọi là lược nói một trăm bốn mươi pháp bất cộng, tất cả tướng hảo, Bồ-tát với thân sau cùng đặc pháp Bồ-đề phần vui tịnh, nơi cõi Bồ-đề mới được đầy đủ. Thân tối hậu của Bồ-tát tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, đặc các tướng, Tam-muội liả chướng, được gồm thâu ở Tam-muội kim cang, lần lượt nhất tâm, liền chứng đắc mười lực, cho đến nhất thiết chủng diệu trí, vui tịnh vô thượng. Tất cả chỗ hiểu biết đều không ngại, không chướng. Vui tịnh liả cấu uế bình đẳng mở bày tỏ ngộ, vượt qua tất cả hành Bồ-tát, hành hạnh Như Lai, được thân vô thượng. Trí Bồ-tát nơi địa cứu cánh và trí Như Lai có gì sai khác? Trí Bồ-tát của địa cứu

cánh giống như nhìn qua vải thưa, trí Như Lai như bỏ vải thưa. Trí Bồ-tát như ở xa thấy sắc, trí Như Lai như ở gần thấy sắc. Trí Bồ-tát như mắt có màng mỏng khi nhìn xem, trí Như Lai như mắt tịnh nhìn thấy. Trí Bồ-tát như ở trong thai nhìn xem, trí Như Lai như khi sinh ra nhìn thấy. Trí Bồ-tát như trong mộng nhìn xem, trí Như Lai như khi tỉnh dậy nhìn thấy. Đây là sự sai biệt về trí tuệ của Bồ-tát nơi địa cứu cánh và trí tuệ của Như Lai.

Chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới, thực hành Phật sự, tạo lợi ích cho chúng sinh, lược nói có chín thứ. Những gì là chín? Một là muốn khiến cho chúng sinh tâm tín thanh tịnh, thọ thân trượng phu, sinh khởi các tướng tốt. Hai là muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, đoạn trừ tất cả nghi, vì thế khởi mười lực của Như Lai. Ba là đem mười lực của Đức Phật, khởi tất cả nghĩa, khai phát tất cả tri kiến của Như Lai, giải đáp tất cả các nghi vấn, hàng phục tất cả các luận tà, kiến lập luận chánh, nên khởi bốn vô sở úy của Như Lai. Bốn là trí tuệ của Như Lai, hoặc trụ hoặc chẳng trụ, theo đó mà điều phục, lia các phiền não, nên khởi ba niệm xứ. Năm là như trước đã nói, như vậy mà hành tác, nên khởi ba bất hộ. Sáu là thường dùng Phật nhãn, ngày đêm quán sát tất cả thế gian, nên khởi tâm đại bi. Bảy là đối với tất cả chúng sinh hết thấy những việc phải làm, đều đã làm, nên khởi pháp không quên. Tám là Như Lai làm gì đều tùy thuận nơi như không có sót lại, nên khởi đoạn trừ các tập. Chín là pháp phi nghĩa tạo lợi ích, phi nghĩa phi phi nghĩa tạo lợi ích, tất cả đều xa lia, pháp nghĩa tạo lợi ích thì phân biệt hiển bày, nên khởi nhất thiết chủng diệu trí.

Như Lai đối với một trăm bốn mươi pháp bất cộng này, tạo ra chín thứ Phật sự, nói rộng tức có đến vô lượng, đó gọi là Như Lai trụ, đó gọi là kiến lập. Vì sao? Vì chỗ học của Bồ-tát nương vào đó mà kiến lập hết thấy những sự lợi ích cho chúng sinh, nên gọi là kiến lập. Tự lợi lợi tha, không như Thanh văn, Duyên giác, nên gọi là bất cộng. Tất cả pháp Phật như đại bi, không quên, đoạn trừ các tập, nhất thiết chủng diệu trí, hàng Thanh văn, Duyên giác đều không thể đắc được, ngoài ra tất cả loại khác cũng không đầy đủ, vì thế gọi là bất cộng. Ở đây chỉ bày đầy đủ việc Bồ-tát học đạo, và quả học đạo. Hết thấy Bồ-tát học đạo, cùng quả học đạo, hết thấy các loại thuyết xứ chân thật, thế nên gọi là địa Bồ-tát, gọi là tạng Bồ-tát, gọi là Ma-đặc-lặc-già, gọi là Đại thừa gồm thân, gọi là hiển thị không hoại, gọi là căn bản của trí thanh tịnh, không chướng ngại.

Nếu có hàng trời, người, A-tu-la, phi nhân, Sa-môn, Bà-la-môn,

đối với địa Bồ-tát khởi tin hiểu kiên cố, nghe, lãnh thọ, tu tập, vì người nói rộng, biên chép kinh quyển, đủ loại cúng dường, thì công đức có được, cùng với Đức Thế Tôn đối với tạng Bồ-tát, vì Bồ-tát sơ nghiệp khai mở, chỉ bày, dạy bảo, tuyên thuyết, công đức có được là giống nhau, không sai khác. Vì sao? vì địa Bồ-tát, tạng Bồ-tát này, chỉ bày pháp luật của Bồ-tát, khiến nhiều chúng sinh thọ trì, suy nghĩ, kiến lập pháp tiếp pháp hưởng, dần dần chuyển thêm rộng lớn, không dấy khởi tướng trạng pháp của thời tượng pháp phải diệt tận, có thể khiến cho ng- hĩa thật của thời tượng pháp sáng rõ, có thể khiến cho chánh pháp vĩnh viễn không diệt tận. Vì thế, nên đối với địa Bồ-tát khởi tin hiểu kiên cố, nghe thọ, tu tập, vì người nói rộng, biên chép, cúng dường, công đức có được là vô lượng vô biên.

\*  
\*\*